

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-VHL ngày 29/1/2016
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)



Đơn vị: VIỆN HOÁ SINH BIỂN

	Đơn vị: triệu đồng
A. NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:	17.582,0
A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia:	700,0
Đề tài độc lập: (1 đề tài)	700,0
ĐTĐLCN.17/14. Nghiên cứu metagenome của vi sinh vật liên kết hải miên tại biển miền Trung Việt Nam nhằm phát hiện và sàng lọc các chất hoạt tính sinh học mới. Tổng kinh phí: 3.670 triệu đồng, đã cấp: 2.500 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc.	700,0
A.II. Đề tài KHCN theo 7 hướng ưu tiên cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:	600,0
<i>Hướng Đa dạng sinh học và Các chất có hoạt tính sinh học: (3 đề tài)</i>	600,0
1. VAST04.08/14-15. Nghiên cứu hoạt tính gây độc tế bào, kháng vi sinh vật kiểm định và tìm kiếm các chất hóa học có hoạt tính từ 10 loài động vật thân mềm ở khu vực Cát Bà, tỉnh Quảng Ninh. Tổng kinh phí: 600 triệu đồng, đã cấp: 500 triệu đồng. Chủ nhiệm: ThS. Phan Thị Thanh Hương.	100,0
2. VAST04.09/14-15. Nghiên cứu quy trình tổng hợp thuốc điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng Lansoprazole và Esomeprazole. Tổng kinh phí: 600 triệu đồng, đã cấp: 500 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Lê Nguyễn Thành.	100,0
3. VAST04.06/15-16. Nghiên cứu qui trình tổng hợp alphitonin-4-O-β-D-glucopyranoside và đánh giá hoạt tính in vitro, in vivo của sản phẩm trên một số cytokine miễn dịch và trên chuột. Tổng kinh phí: 600 triệu đồng, đã cấp: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Quốc Vượng.	400,0
A.III. Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:	
A.IV. Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (2 đề tài)	400,0
1. VAST.ĐLT.06/14-15. Nghiên cứu thành phần hóa học và đánh giá tác dụng hạ gluco huyết trên động vật thực nghiệm của lá cây đinh lăng (polyscias fruticosa L. Harms). Tổng kinh phí: 500 triệu đồng, đã cấp: 350 triệu đồng. Chủ nhiệm: ThS. Trần Thị Hồng Hạnh.	150,0



2. VAST.ĐLT.08/16-17. Nghiên cứu công nghệ chiết xuất gelatin chất lượng cao từ vây cá biển bằng phương pháp sử dụng enzyme và dung dịch điện hóa hoạt hóa nhằm ứng dụng trong thực phẩm và y dược. Tổng kinh phí: 500 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Cao Thị Huệ.	250,0
A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN giao:	
A.VI. Đề tài đặt hàng các Hội đồng khoa học ngành:	
A.VII. Nhiệm vụ, dự án KHCN trọng điểm cấp Viện Hàn lâm: (7)	13.800,0
1. VAST.TĐ.DLB.01/15-18. Nghiên cứu khai thác dược liệu hải miên ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) theo định hướng hoạt tính diệt tế bào ung thư nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh ung thư. Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS.TS. Phan Văn Kiệm.	2.200,0
2. VAST.TĐ.DLB.02/15-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ nguồn san hô mềm ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định. Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hoài Nam.	2.200,0
3. VAST.TĐ.DLB.03/15-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ một số động vật Da gai ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và kháng viêm nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ tăng cường sức khỏe. Tổng kinh phí: 7.600 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Xuân Cường.	2.200,0
4. VAST.TĐ.DLB.04/15-18. Nghiên cứu phát hiện các hợp chất kháng lao và kháng sinh từ nguồn vi sinh vật đáy biển vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung bộ đến Trung Trung Bộ Việt Nam) Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS.TS. Phạm Văn Cường.	1.800,0
5. VAST.TĐ.DLB.06/15-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ một số động vật thân mềm ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt nam). Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Thanh.	2.000,0
6. VAST.TĐ.DLB.07/15-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ vi tảo biển ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt nam). Tổng kinh phí: 3.800 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng.	1.400,0

7. VAST.TĐ.TP.05/16-18. Nghiên cứu áp dụng phương pháp fingerprint trong xác định thành phần thực phẩm chức năng. Tổng kinh phí: 10.000 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Thị Hồng Hạnh.	2.000,0
A.VIII. Đề tài hợp tác với các ngành, địa phương/UDCN: (2 đề tài)	1.610,0
1. VAST.UDCN.03/14-17. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phân lập ecdysteroid và bào chế thực phẩm chức năng FRAGRA từ cây lược vàng. Tổng kinh phí: 2.500 triệu đồng, đã cấp: 1.500 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng.	500,0
2. VAST.UDCN.05/14-16. Xác định thành phần hóa học của một số thuốc tại tỉnh Hà Giang làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng vùng dược liệu tỉnh. Tổng kinh phí: 3.200 triệu đồng, đã cấp: 1.590 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Tiến Đạt.	1.110,0
A.IX. Dự án SXTN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:	
A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (4 nhiệm vụ)	472,0
1. VAST.HTQT.BELAR.05/15-16. Đánh giá đa dạng quần hợp các loài cây thuốc ở khu vực phía Bắc Việt Nam và miền Trung Belarus, xác định các loài cây thuốc có giá trị, nghiên cứu sự tích lũy các chất có hoạt tính sinh học và triển vọng sử dụng. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng, đã cấp: 76 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS. TS. Ninh Khắc Bản.	124,0
2. VAST.HTQT.NHATBAN.02/15-17. Nghiên cứu hoạt tính sinh học của hợp chất terpenoid từ thực vật tại Việt Nam và phát triển hệ thống biểu hiện các hợp chất tiềm năng. Tổng kinh phí: 300 triệu đồng, đã cấp: 76 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Mỹ Linh.	124,0
3. VAST.HTQT.Bulgaria.01/15-16. Các chất có hoạt tính sinh học từ một số dược liệu Việt Nam (<i>Morinda longifolia</i> , <i>mallostus apelta</i> , <i>Paeonia suffruticosa</i> , <i>Angelica duhurica</i>) phân lập và xác định cấu trúc, hoạt tính sinh học và chuyển hóa hóa học. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng, đã cấp: 76 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hoài Nam.	124,0
4. VAST.HTQT.NGA.04/16-17. Nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính sinh học của các hợp chất thứ cấp có trọng lượng phân tử thấp phân lập được từ nhóm động vật da gai, nhóm hải miên và san hô ở vùng biển Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Xuân Cường.	100,0
B. NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN:	4.815,1
B.I. Quỹ lương:	3.320,0
Lương và các khoản khác (bảo hiểm, kinh phí công đoàn, trợ cấp thất nghiệp - tổng cộng là 24%):	3.119,4
Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật:	200,6



Kinh phí cài cách tiền lương: *Giao sau*

B.II. Hỗ trợ lương hợp đồng do Viện Hàn lâm KHCNVN trả:	
B.III. Chi thường xuyên hoạt động bộ máy:	328,4
Kinh phí chi thường xuyên hoạt động bộ máy:	328,4
B.IV. Chi thường xuyên đài, trạm, bảo tàng:	
B.V. Nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở (đơn vị chủ động xác định và quản lý):	760,7
Kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở:	760,7
B.VI. Hỗ trợ nhiệm vụ cơ sở cho cán bộ trẻ:	210,0
Kinh phí hỗ trợ nhiệm vụ cơ sở cho cán bộ trẻ:	210,0
B.VII. Hỗ trợ công trình công bố:	196,0
25 bài báo đăng trên tạp chí SCI (25 x 3 triệu đồng)	75,0
34 bài báo đăng trên tạp chí SCI-E (34 x 2 triệu đồng)	68,0
10 bài báo đăng trên tạp chí ISSN quốc tế (10 x 0,5 triệu đồng)	5,0
76 bài báo đăng trên tạp chí VAST (76 x 0,5 triệu đồng)	38,0
2 phát minh, sáng chế (2 x 5 triệu đồng)	10,0

C. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHCN: *(Thông báo sau)*

D. NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN KHÁC: **409,0**

D.I. Mua tạp chí và sách báo KHCN:

D.II. Hoạt động của các tạp chí KHCN của Viện Hàn lâm:

D.III. Hỗ trợ nghiên cứu cơ bản:

D.IV. Chương trình Phát triển vật lý cấp Bộ:

D.V. Các nhiệm vụ và hỗ trợ khác: **409,0**

 1. Trung tâm tiên tiến về hoá sinh hữu cơ 300,0

 2. Hỗ trợ bảo vệ luận án ThS. Ninh Thị Ngọc: 3 trđ; bảo vệ luận văn 9,0

 ThS. Đan Thị Thúy Hằng: 3 trđ; bảo vệ luận văn ThS. Vũ Anh Tú: 3 trđ

 3. Kinh phí hỗ trợ các thiết bị lớn, dùng chung 100,0

E. NHIỆM VỤ THUỘC SỰ NGHIỆP KHÁC: **950,0**

E.I. Đào tạo sau đại học:

E.II. Đề án 911:

E.III. Đào tạo lại cán bộ công chức:

E.IV. Sự nghiệp văn hoá [Bảo tàng]:

E.V. Sự nghiệp kinh tế [Nhiệm vụ điều tra cơ bản]: (2 nhiệm vụ) **950,0**

 1. VAST.ĐTCB.01/16-17. Điều tra các chất có hoạt tính sinh học từ 750,0

 nguồn thực vật rừng ngập mặn tại khu vực vịnh Hạ Long, khu vực vườn quốc gia Cát Bà và vườn quốc gia Bái Tử Long.

 Tổng kinh phí: 1.500 triệu đồng.

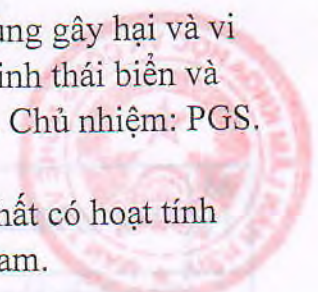
 Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Thanh.

2. VAST.ĐA47.12/16-19. Điều tra, đánh giá ký sinh trùng gây hại và vi sinh vật trên các vùng biển Việt Nam nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển và sức khỏe cộng đồng (Tổng kinh phí: 49.000 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS. TS. Hà Duy Ngọ).

Hợp phần nhánh số 4: Điều tra sàng lọc tìm kiếm các chất có hoạt tính chống ung thư và kháng sinh từ vi sinh vật biển Việt Nam.

Tổng kinh phí: 3.500 triệu đồng.

Chủ nhiệm: PGS. TS. Phạm Văn Cường.



TỔNG CỘNG:

23.756,1

STT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỉ đồng)	Đơn vị tài trợ
1	Điều tra đánh giá...			
2	...			
3	...			
4	...			
5	...			
6	...			
7	...			
8	...			
9	...			
10	...			
11	...			
12	...			
13	...			
14	...			
15	...			
16	...			
17	...			
18	...			
19	...			
20	...			
21	...			
22	...			
23	...			
24	...			
25	...			
26	...			
27	...			
28	...			
29	...			
30	...			
31	...			
32	...			
33	...			
34	...			
35	...			
36	...			
37	...			
38	...			
39	...			
40	...			
41	...			
42	...			
43	...			
44	...			
45	...			
46	...			
47	...			
48	...			
49	...			
50	...			
51	...			
52	...			
53	...			
54	...			
55	...			
56	...			
57	...			
58	...			
59	...			
60	...			
61	...			
62	...			
63	...			
64	...			
65	...			
66	...			
67	...			
68	...			
69	...			
70	...			
71	...			
72	...			
73	...			
74	...			
75	...			
76	...			
77	...			
78	...			
79	...			
80	...			
81	...			
82	...			
83	...			
84	...			
85	...			
86	...			
87	...			
88	...			
89	...			
90	...			
91	...			
92	...			
93	...			
94	...			
95	...			
96	...			
97	...			
98	...			
99	...			
100	...			



TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2016
VIỆN HOÁ SINH BIỂN
(Theo loại, khoản kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng



STT	Loại, khoản	Nội dung nhiệm vụ	Kinh phí		
			Tổng số	Lập dự toán	Không lập dự toán
1	Sự nghiệp khoa học (Loại 370-371)		22.806,1	22.806,1	
		I. KP thực hiện nhiệm vụ KHCN	17.582,0	17.582,0	
		A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia	700,0	700,0	
		A.II. ĐT 7 hướng cấp Viện HL	600,0	600,0	
		A.III. ĐT độc lập cấp Viện HL			
		A.IV. ĐT độc lập trẻ Viện HL	400,0	400,0	
		A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện giao			
		A.VI. ĐT đặt hàng các HDKH ngành			
		A.VII. NV,DA trọng điểm cấp Viện HL	13.800,0	13.800,0	
		A.VIII. ĐT hợp tác với ngành, đ.phương	1.610,0	1.610,0	
		A.IX. DA SXTN cấp Viện HL			
		A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện HL	472,0	472,0	
		A.XI. ĐT thuộc DA sưu tập mẫu vật			
		A.XII. Các nhiệm vụ KHCN khác			
		2. Kinh phí thường xuyên	4.815,1	4.815,1	
		B.I. Quỹ tiền lương	3.320,0	3.320,0	
		B.II. Hỗ trợ lương HĐ do Viện HL trả			
		B.III. Hoạt động bộ máy	328,4	328,4	
		B.IV. Hoạt động đài, trạm, bảo tàng			
		B.V. Nhiệm vụ NC cấp cơ sở	760,7	760,7	
		B.VI. Hỗ trợ NVCS cho CB trẻ	210,0	210,0	
		B.VII. Hỗ trợ công trình công bố	196,0	196,0	
		B.VIII. Hoạt động Phòng TNTĐ			
		* Kinh phí tiết kiệm 10% để CCTL			
		3. Kinh phí không thường xuyên	409,0	409,0	
		C.II. Sửa chữa-nâng cấp			
		C.III. Tăng cường trang thiết bị			
		C.IV. Trang bị xe ô tô dùng chung			
		D.I. Mua Tạp chí và sách báo KHCN			
		D.II. Hoạt động của các T.chí KHCN			
		D.III. Hỗ trợ nghiên cứu cơ bản			
		D.IV. CT Phát triển vật lý cấp Bộ			
		D.V. Các nhiệm vụ và hỗ trợ khác	409,0	409,0	
II	ĐT SDH (L490-503)	E.I. Đào tạo sau đại học + E.II. Đề án 911			
III	ĐT lại CB (L490-504)	E.III. Đào tạo lại CBCC			
IV	SN VH (L550-556)	E.IV. Sự nghiệp văn hoá (Bảo tàng)			
V	SN KT (L430-432)	E.V. Sự nghiệp kinh tế (NV ĐTCB)	950,0	950,0	
VI	SN MT (L280-281)	E.VI. Sự nghiệp môi trường			
VII	Trợ giá (L 250-251)	E.VII. Trợ giá xuất bản			
VIII	BĐ-HĐ (L460-466)	E.VIII. C.trình Biển Đông - Hải đảo			
IX	XDCB	C.I. Xây dựng cơ bản			
TỔNG CỘNG:			23.756,1	23.756,1	

[Handwritten signature] 7